TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HOA LƯ** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2025/HS-ST
Ngày: 27 - 6 -2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Tú
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Luận
Bà Phạm Thị Ngọc Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoa Lư tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Quang Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hoa Lư xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2025/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 6 năm 2025, đối với bị cáo:

Phan Thị Th, sinh năm 1988, tại tỉnh Ninh Bình, Nơi cư trú: số nhà 24, đường Ph, phố Ph, phường N, thành phố H, tỉnh Ninh Bình (là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 07/QĐ – UBKT , ngày 04/6/2025 của Thành ủy H); Giới tính: nữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phan Văn Th và con bà Đinh Thị T; Bị cáo có chồng (đã chết) và có 03 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 75/2025/HSST - LCĐKNCT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1959; Địa chỉ: phố Kh, phường T, thành phố H, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).
- Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: thôn B, xã N, thành phố H, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).
- Bà Đinh Thị T, sinh năm 1962; Địa chỉ: phố 9, phường Đ, thành phố H, tỉnh Ninh Bình.(vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thị Th là người không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ cấp, cho vay tín dụng hoặc hỗ trợ tài chính nhưng do muốn có tiền tiêu xài nên Th đã cho những người quen biết có nhu cầu hoặc khó khăn về tài chính vay tiền mà không phải thế chấp, cầm cố tài sản với mức lãi suất vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/01 năm) để thu lợi bất chính. Để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, Th nhờ mẹ là bà Đinh Thị T đứng tên người cho vay tiền giúp Th. Khi có người muốn vay tiền, Th và người vay sẽ thống nhất số tiền vay và lãi suất với nhau. Sau đó, Th yêu cầu người vay đến quán nước của bà T ở phố 9, phường Đ, thành phố H, tỉnh Ninh Bình. Tại đây, bà T sẽ đưa cho họ viết vào 01 quyển sổ vay tiền với nội dung tổng số tiền vay, thời gian vay chứ không ghi rõ tiền gốc, tiền lãi rồi đưa lại cho bà T cất giữ. Bà T không biết cụ thể Th cho vay lãi suất như thế nào. Sau đó, người vay thông báo lại cho Th để Th chuyển tiền cho người vay. Th sử dụng tài khoản ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), số tài khoản 3302666639999 và tài khoản ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), số tài khoản 48310000348676 đều mang tên Phan Thị Th của mình để chuyển và nhận tiền vay.

Trong khoảng thời gian từ ngày 03/01/2024 đến ngày 05/8/2024, Phan Thị Th đã cho bà Đỗ Thị N và chị Nguyễn Thị Như Q vay tiền dưới hình thức "bốc ống" với lãi suất là 121,7%/năm của khoản tiền vay, vượt gấp 6,085 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định (20%/01 năm). Việc giao dịch cho vay lãi nặng của Phan Thị Th cụ thể như sau:

1. Giao dịch giữa Phan Thị Th và bà Đỗ Thị N:

- Lần 1: ngày 03/01/2024, Th cho bà N vay số tiền 30.000.000 đồng và thỏa thuận bà N phải trả cho Thủy cả tiền gốc và lãi là 36.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 600.000 đồng). Lần vay này bà N đã trả hết tiền gốc và lãi cho Th.

- Lần 2: ngày 21/01/2024, Th cho bà N vay số tiền 30.000.000 đồng và thỏa thuận bà N phải trả cho Thủy cả tiền gốc và lãi là 36.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 600.000 đồng). Lần vay này bà N đã trả hết tiền gốc và lãi cho Th.

- Lần 3: ngày 15/02/2024, Th cho bà N vay số tiền 30.000.000 đồng và thỏa thuận bà N phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 36.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 600.000 đồng). Lần vay này bà N đã trả hết tiền gốc và lãi cho Th.

- Lần 4: ngày 19/02/2024, Th cho bà N vay số tiền 30.000.000 đồng và thỏa thuận bà N phải trả cho Thủy cả tiền gốc và lãi là 36.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 600.000 đồng). Lần vay này bà N đã trả hết tiền gốc và lãi cho Th.

- Lần 5: ngày 05/3/2024, Th cho bà N vay số tiền 25.000.000 đồng và thỏa thuận bà N phải trả cho Thủy cả tiền gốc và lãi là 30.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 500.000 đồng). Lần vay này bà N đã trả hết tiền gốc và lãi cho Th.

- Lần 6: ngày 14/3/2024, Th cho bà N vay số tiền 60.000.000 đồng và thỏa thuận bà N phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 72.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 1.200.000 đồng). Lần vay này bà N đã trả hết tiền gốc và lãi cho Th.

- Lần 7: ngày 26/3/2024, Th cho bà N vay số tiền 100.000.000 đồng và thỏa thuận bà N phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 120.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 2.000.000 đồng). Lần vay này bà N đã trả hết tiền gốc và lãi cho Th.

- Lần 8: ngày 17/4/2024, Th cho bà N vay số tiền 35.000.000 đồng và thỏa thuận bà N phải trả cho Thủy cả tiền gốc và lãi là 42.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 700.000 đồng). Lần vay này bà N đã trả hết tiền gốc và lãi cho Th.

- Lần 9: ngày 22/4/2024, Th cho bà N vay số tiền 20.000.000 đồng và thỏa thuận bà N phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 24.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 400.000 đồng). Lần vay này bà N đã trả hết tiền gốc và lãi cho Th.

- Lần 10: ngày 28/4/2024, Th cho bà N vay số tiền 30.000.000 đồng và thỏa thuận bà N phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 36.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 600.000 đồng). Lần vay này bà N đã trả hết tiền gốc và lãi cho Th.

- Lần 11: ngày 04/5/2024, Th cho bà N vay số tiền 60.000.000 đồng và thỏa thuận bà N phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 72.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 1.200.000 đồng). Lần vay này bà N đã trả hết tiền gốc và lãi cho Th.

Đối với 11 lần vay này, Th đã cho bà N vay tổng số tiền gốc là 450.000.000 đồng, thu lợi 90.000.000 đồng trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là (60 x 450.000.000 x 0,2 : 365) = 14.794.520 đồng, đã thu lợi bất chính số tiền **75.205.480đồng**. Bà N đã thanh toán hết số tiền gốc và lãi cho Th.

- Lần 12: ngày 10/5/2024, Th cho bà N vay số tiền 30.000.000 đồng và thỏa thuận bà N phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 36.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 600.000 đồng gồm 500.000 đồng tiền gốc và 100.000 đồng tiền lãi). Đến ngày 04/7/2024, bà N đã trả cho Th tổng số tiền 33.600.000 đồng (gồm 28.000.000 đồng tiền gốc và 5.600.000 đồng tiền lãi) trong 56 ngày vay. Tính đến thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của Th là ngày 05/8/2024, bà N chưa thanh toán cho Th 400.000 đồng tiền lãi của 04 ngày vay còn lại và đang nợ Th 2.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, trong lần vay này, Th đã thu 5.600.000 đồng tiền lãi và sẽ thu 400.000 đồng tiền lãi của bà N, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là (60 x 30.000.000 x 0,2 : 365) = 986.301đồng. Số tiền thu lợi bất chính Th phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho bà N vay là **5.013.699 đồng** (trong đó đã thu lợi bất chính là 4.679.452 đồng và nhằm thu lợi bất chính là 334.247 đồng).

- Lần 13: ngày 18/5/2024, Th cho bà N vay số tiền 100.000.000 đồng và thỏa thuận bà N phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 120.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 2.000.000 đồng gồm 1.666.667 đồng tiền gốc và 333.333 đồng tiền lãi). Đến ngày 04/7/2024, bà N đã trả cho Th tổng số tiền 96.000.000 đồng (gồm 80.000.000 đồng tiền gốc và 16.000.000 đồng tiền lãi) trong 48 ngày vay. Tính đến thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của Th là ngày 05/8/2024, bà N chưa thanh toán cho Th 4.000.000 đồng tiền lãi của 12 ngày vay còn lại và đang nợ Th 20.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, trong lần vay này, Th đã thu 16.000.000 đồng tiền lãi và sẽ thu 4.000.000đồng tiền lãi của bà N, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là (60 x 100.000.000 x 0,2 : 365) =3.287.671 đồng. Số tiền thu lợi bất chính Th phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho bà N vay là **16.712.329 đồng** (trong đó đã thu lợi bất chính là 13.369.863 đồng và nhằm thu lợi bất chính là 3.342.466 đồng).

- Lần 14: ngày 29/5/2024, Th cho bà N vay số tiền 50.000.000 đồng và thỏa thuận bà N phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 60.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 1.000.000 đồng gồm 833.333 đồng tiền gốc và 166.667 đồng tiền lãi). Đến ngày 04/7/2024, bà N đã trả cho Th tổng số tiền 37.000.000 đồng (gồm 30.833.321 đồng tiền gốc và 6.166.679 đồng tiền lãi) trong 37 ngày vay. Tính đến thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của Th là ngày 05/8/2024, bà N chưa thanh toán cho Th 3.833.321 đồng tiền lãi của 23 ngày vay còn lại và đang nợ Th 19.166.679 đồng tiền gốc.

Như vậy, trong lần vay này, Th đã thu 6.166.679 đồng tiền lãi và sẽ thu 3.833.321đồng tiền lãi của bà N, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là (60 x 50.000.000 x 0,2 : 365) =1.643.836 đồng. Số tiền thu lợi bất chính Th phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho bà N vay là **8.356.164 đồng** (trong đó đã thu lợi bất chính là 5.152.980 đồng và nhằm thu lợi bất chính là 3.203.184 đồng).

- Lần 15: ngày 04/6/2024, Th cho bà N vay số tiền 25.000.000 đồng và thỏa thuận bà N phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 30.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 500.000 đồng gồm 416.667 đồng tiền gốc và 83.333 đồng tiền lãi). Đến ngày 04/7/2024, bà N đã trả cho Th tổng số tiền 15.500.000 đồng (gồm 12.916.677 đồng tiền gốc và 2.583.323 đồng tiền lãi) trong 31 ngày vay. Tính đến thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của Th là ngày 05/8/2024, bà N chưa thanh toán cho Th 2.416.677đồng tiền lãi của 29 ngày vay còn lại và đang nợ Th 12.083.323 đồng tiền gốc.

Như vậy, trong lần vay này, Th đã thu 2.583.323 đồng tiền lãi và sẽ thu 2.416.677đồng tiền lãi của bà N, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là (60 x 25.000.000 x 0,2 : 365) = 821.918 đồng. Số tiền thu lợi bất chính Th phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho bà N vay là **4.178.082 đồng** (trong đó đã thu lợi bất chính là 2.158.685 đồng và nhằm thu lợi bất chính là 2.019.397 đồng).

- Lần 16: ngày 11/6/2024, Th cho bà N vay số tiền 35.000.000 đồng và thỏa thuận bà N phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 42.000.000 đồng trong vòng

60 ngày (mỗi ngày trả 700.000 đồng gồm 583.333 đồng tiền gốc và 116.667 đồng tiền lãi). Đến ngày 04/7/2024, bà N đã trả cho Th tổng số tiền 16.800.000 đồng (gồm 13.999.992 đồng tiền gốc và 2.800.008 đồng tiền lãi) trong 24 ngày vay. Tính đến thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của Th là ngày 05/8/2024 (tương đương 58 ngày vay), bà N chưa thanh toán cho Th 3.966.678 đồng tiền lãi của 34 ngày vay và đang nợ Th 21.000.008 đồng tiền gốc.

Như vậy, trong lần vay này, Th đã thu 2.800.008đồng tiền lãi và sẽ thu 3.966.678 đồng tiền lãi của bà N, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là (58 x 35.000.000 x 0,2 : 365) = 1.112.328 đồng. Số tiền thu lợi bất chính Th phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho bà N vay là **5.654.358 đồng** (trong đó đã thu lợi bất chính là 2.339.734 đồng và nhằm thu lợi bất chính là 3.314.624 đồng).

- Lần 17: ngày 20/6/2024, Th cho bà N vay số tiền 20.000.000 đồng và thỏa thuận bà N phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 25.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 400.000 đồng gồm 333.333 đồng tiền gốc và 66.667 đồng tiền lãi). Đến ngày 04/7/2024, bà N đã trả cho Th tổng số tiền 6.000.000 đồng (gồm 4.999.995 đồng tiền gốc và 1.000.005 đồng tiền lãi) trong 15 ngày vay. Tính đến thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của Th là ngày 05/8/2024 (tương đương 47 ngày vay), bà N chưa thanh toán cho Th 2.133.344 đồng tiền lãi của 32 ngày vay và đang nợ Th 15.000.005 đồng tiền gốc.

Như vậy, trong lần vay này, Th đã thu 1.000.005 đồng tiền lãi và sẽ thu 2.133.344 đồng tiền lãi của bà N, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là (47 x 20.000.000 x 0,2 : 365) = 515.068 đồng. Số tiền thu lợi bất chính Th phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho bà N vay là **2.618.281 đồng** (trong đó đã thu lợi bất chính là 835.622 đồng và nhằm thu lợi bất chính là 1.782.659 đồng).

- Lần 18: ngày 24/6/2024, Th cho bà N vay số tiền 30.000.000 đồng và thỏa thuận bà N phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 36.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 600.000 đồng gồm 500.000 đồng tiền gốc và 100.000 đồng tiền lãi). Đến ngày 04/7/2024, bà N đã trả cho Th tổng số tiền 6.600.000 đồng (gồm 5.500.000 đồng tiền gốc và 1.100.000 đồng tiền lãi) trong 11 ngày vay. Tính đến thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của Th là ngày 05/8/2024 (tương đương 43 ngày vay), bà N chưa thanh toán cho Th 3.200.000 đồng tiền lãi của 32 ngày vay và đang nợ Th 24.500.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, trong lần vay này, Th đã thu 1.100.000 đồng tiền lãi và sẽ thu 3.200.000 đồng tiền lãi của bà N, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là (43 x 30.000.000 x 0,2 : 365) = 706.849 đồng. Số tiền thu lợi bất chính Th phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho bà N vay là **3.593.151 đồng** (trong đó đã thu lợi bất chính là 919.178 đồng và nhằm thu lợi bất chính là 2.673.973 đồng).

- Lần 19: ngày 02/7/2024, Th cho bà N vay số tiền 60.000.000 đồng và thỏa thuận bà N phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 72.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 1.200.000 đồng gồm 1.000.000 đồng tiền gốc và

200.000đồng tiền lãi). Đến ngày 04/7/2024, bà N đã trả cho Th tổng số tiền 3.600.000 đồng (gồm 3.000.000 đồng tiền gốc và 600.000 đồng tiền lãi) trong 03 ngày vay. Tính đến thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của Th là ngày 05/8/2024 (tương đương 35 ngày vay), bà N chưa thanh toán cho Th 6.400.000 đồng tiền lãi của 32 ngày vay và đang nợ Th 57.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, trong lần vay này, Th đã thu 600.000 đồng tiền lãi và sẽ thu 6.400.000 đồng tiền lãi của bà N, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là (35 x 60.000.000 x 0,2 : 365) = 1.150.685 đồng. Số tiền thu lợi bất chính Th phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho bà N vay là **5.849.315 đồng** (trong đó đã thu lợi bất chính là 501.370 đồng và nhằm thu lợi bất chính là 5.347.945 đồng).

Như vậy, Phan Thị Th đã cho bà Đỗ Thị N vay 19 lần với tổng số tiền là 800.000.000 đồng với lãi suất 121,7%/01 năm, gấp 6,085 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định (20%/01 năm). Thủyđã thu lợi 125.850.015 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp là 20.687.651 đồng, đã thu lợi bất chính **105.162.364 đồng** và số tiền nhằm thu lợi bất chính là **22.018.495đồng**. Do đó, số tiền thu lợi bất chính Phan Thị Th phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho bà N vay là **127.180.859 đồng**.

2. Giao dịch giữa Phan Thị Th và chị Nguyễn Thị Như Q:

- Lần 1: ngày 28/4/2024, Th cho chị Q vay số tiền 50.000.000 đồng và thỏa thuận chị Q phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 60.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 1.000.000 đồng). Lần vay này chị Q đã trả hết tiền gốc và lãi cho Th.

- Lần 2: ngày 09/5/2024, Th cho chị Q vay số tiền 50.000.000 đồng và thỏa thuận chị Q phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 60.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 1.000.000 đồng). Lần vay này chị Q đã trả hết tiền gốc và lãi cho Th.

- Lần 3: ngày 11/5/2024, Th cho chị Q vay số tiền 20.000.000 đồng và thỏa thuận chị Q phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 24.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 400.000 đồng). Lần vay này chị Q đã trả hết tiền gốc và lãi cho Th.

- Lần 4: ngày 16/5/2024, Th cho chị Q vay số tiền 50.000.000 đồng và thỏa thuận chị Q phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 60.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 1.000.000 đồng). Lần vay này chị Q đã trả hết tiền gốc và lãi cho Th.

Đối với 04 lần vay này, Th đã cho chị Q vay tổng số tiền gốc là 170.000.000 đồng, thu lợi 34.000.000 đồng trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là (60 x 170.000.000 x 0,2 : 365) = 5.589.041 đồng, đã thu lợi bất chính số tiền **28.410.959 đồng**. Chị Q đã thanh toán hết số tiền gốc và lãi cho Th.

- Lần 5: ngày 07/6/2024, Th cho chị Q vay số tiền 30.000.000 đồng và thỏa thuận chị Q phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 36.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 600.000 đồng gồm 500.000đồng tiền gốc và 100.000 đồng tiền lãi). Đến ngày 24/7/2024, chị Q đã trả cho Th tổng số tiền 28.800.000 đồng

(gồm 24.000.000 đồng tiền gốc và 4.800.000 đồng tiền lãi) trong 48 ngày vay. Tính đến thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của Th là ngày 05/8/2024 (tương đương 60 ngày vay), chị Q chưa thanh toán cho Th 1.200.000 đồng tiền lãi của 12 ngày vay còn lại và đang nợ Th 6.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, trong lần vay này, Th đã thu 4.800.000 đồng tiền lãi và sẽ thu 1.200.000 đồng tiền lãi của chị Q, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là (60 x 30.000.000 x 0,2 : 365) =986.301 đồng. Số tiền thu lợi bất chính Th phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho chị Qvay là **5.013.699 đồng** (trong đó đã thu lợi bất chính là 4.010.959 đồng và nhằm thu lợi bất chính là 1.002.740 đồng).

- Lần 6: ngày 22/6/2024, Th cho chị Q vay số tiền 30.000.000 đồng và thỏa thuận chị Q phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 36.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 600.000 đồng gồm 500.000đồng tiền gốc và 100.000 đồng tiền lãi). Đến ngày 24/7/2024, chị Q đã trả cho Th tổng số tiền 19.800.000 đồng (gồm 16.500.000 đồng tiền gốc và 3.300.000 đồng tiền lãi) trong 33 ngày vay. Tính đến thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của Th là ngày 05/8/2024 (tương đương 45 ngày vay), chị Q chưa thanh toán cho Th 1.200.000 đồng tiền lãi của 12 ngày vay và đang nợ Th 13.500.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, trong lần vay này, Th đã thu 3.300.000 đồng tiền lãi và sẽ thu 1.200.000 đồng tiền lãi của chị Q, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là (45 x 30.000.000 x 0,2 : 365) =739.726 đồng. Số tiền thu lợi bất chính Th phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho chị Q vay là **3.760.274 đồng** (trong đó đã thu lợi bất chính là 2.757.534 đồng và nhằm thu lợi bất chính là 1.002.740 đồng).

- Lần 7: ngày 04/7/2024, Th cho chị Q vay số tiền 25.000.000 đồng và thỏa thuận chị Q phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 30.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 500.000 đồng gồm 416.667 đồng tiền gốc và 83.333 đồng tiền lãi). Đến ngày 24/7/2024, chị Q đã trả cho Th tổng số tiền 10.500.000 đồng (gồm 8.750.007 đồng tiền gốc và 1.749.993 đồng tiền lãi) trong 21 ngày vay. Tính đến thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của Th là ngày 05/8/2024 (tương đương 33 ngày vay), chị Q chưa thanh toán cho Th 999.996 đồng tiền lãi của 12 ngày vay và đang nợ Th 16.249.993 đồng tiền gốc.

Như vậy, trong lần vay này, Th đã thu 1.749.993 đồng tiền lãi và sẽ thu 999.996 đồng tiền lãi của chị Q, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là (45 x 25.000.000 x 0,2 : 365) =452.055 đồng. Số tiền thu lợi bất chính Thủy phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho chị Q vay là **2.297.934 đồng** (trong đó đã thu lợi bất chính là 1.404.788 đồng và nhằm thu lợi bất chính là 893.146 đồng).

- Lần 8: ngày 10/7/2024, Th cho chị Q vay số tiền 75.000.000 đồng và thỏa thuận chị Q phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 90.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 1.500.000 đồng gồm 1.250.000 đồng tiền gốc và 250.000 đồng tiền lãi). Đến ngày 24/7/2024, chị Q đã trả cho Th tổng số tiền 22.500.000 đồng (gồm 18.750.000 đồng tiền gốc và 3.750.000 đồng tiền lãi) trong 15 ngày vay. Tính đến thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của Th là

ngày 05/8/2024 (tương đương 27 ngày vay), chị Q chưa thanh toán cho Th 3.000.000 đồng tiền lãi của 12 ngày vay và đang nợ Th 56.250.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, trong lần vay này, Th đã thu 3.750.000 đồng tiền lãi và sẽ thu 3.000.000 đồng tiền lãi của chị Q, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là (27 x 75.000.000 x 0,2 : 365) =1.109.589 đồng. Số tiền thu lợi bất chính Th phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho chị Q vay là **5.640.411 đồng** (trong đó đã thu lợi bất chính là 3.133.562 đồng và nhằm thu lợi bất chính là 2.506.849 đồng).

- Lần 9: ngày 17/7/2024, Th cho chị Q vay số tiền 30.000.000 đồng và thỏa thuận chị Q phải trả cho Th cả tiền gốc và lãi là 36.000.000 đồng trong vòng 60 ngày (mỗi ngày trả 600.000 đồng gồm 500.000 đồng tiền gốc và 100.000 đồng tiền lãi). Đến ngày 24/7/2024, chị Q đã trả cho Th tổng số tiền 4.800.000 đồng (gồm 4.000.000 đồng tiền gốc và 800.000 đồng tiền lãi) trong 08 ngày vay. Tính đến thời điểm Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của Th là ngày 05/8/2024 (tương đương 20 ngày vay), chị Q chưa thanh toán cho Th 1.200.000 đồng tiền lãi của 12 ngày vay và đang nợ Th 26.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, trong lần vay này, Th đã thu 800.000 đồng tiền lãi và sẽ thu 1.200.000 đồng tiền lãi của chị Q, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là (20 x 30.000.000 x 0,2 : 365) =328.767đồng. Số tiền thu lợi bất chính Thủy phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho chị Q vay là **1.671.233 đồng** (trong đó đã thu lợi bất chính là 668.493 đồng và nhằm thu lợi bất chính là 1.002.740 đồng).

Như vậy, Phan Thị Th đã cho chị Nguyễn Thị Như Q vay 09 lần với tổng số tiền là 360.000.000 đồng với lãi suất 121,7%/01 năm, gấp 6,085 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định (20%/01 năm). Th đã thu lợi 48.399.993 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp là 8.013.698 đồng, đã thu lợi bất chính **40.386.295 đồng** và số tiền nhằm thu lợi bất chính là **6.408.215 đồng**. Do đó, số tiền thu lợi bất chính Phan Thị Th phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho chị Qvay là **46.794.510 đồng**.

Tổng số tiền Phan Thị Th đã cho bà Đỗ Thị N và chị Nguyễn Thị Như Q vay là **1.160.000.000 đồng** với lãi suất vượt gấp 6,085 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định (20%/01 năm), đã thu lợi bất chính số tiền **145.548.659 đồng** và nhằm thu lợi bất chính số tiền **28.426.710 đồng.** Như vậy, tổng số tiền Phan Thị Th phải chịu trách nhiệm hình sự là **173.975.369 đồng.**

Tại cơ quan điều tra, Phan Thị Th thừa nhận hành vi cho nhiều người vay tiền với lãi suất vượt quá quy định của pháp luật nhằm thu lợi bất chính nội dung sự việc đúng như bản cáo trạng đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 82/CT - VKSTPHL ngày 18 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Phan Thị Th ra trước Tòa án nhân dân thành phố Hoa Lư để xét xử về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoa Lư vẫn giữ nguyên bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Phan Thị Th

phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Th từ 140.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng để sung nộp ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax.

+ Buộc bị cáo Phan Thị Th phải nộp lại số tiền 899.951.341 đồng (bao gồm: tiền dùng cho người khác vay lãi nặng là 871.249.992 đồng đã được người vay trả lại, tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự đã thu được của những người vay là 28.701.349 đồng) để sung nộp ngân sách nhà nước.

+ Buộc bà Đỗ Thị N phải nộp lại số tiền 170.750.015 đồng (có được do vay của Phan Thị Th chưa trả cho bị cáo) để sung nộp ngân sách nhà nước.

+ Buộc chị Nguyễn Thị Như Q phải nộp lại số tiền 117.999.993 đồng (có được do vay của Phan Thị Th chưa trả cho bị cáo) để sung nộp ngân sách nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim có số thuê bao 0972.889.564.

Về nghĩa vụ dân sự: áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, Điều 463 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự:

+ Buộc bị cáo Phan Thị Th phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền cụ thể như sau:

- Bà Đỗ Thị N số tiền 105.162.364 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Như Q số tiền 40.386.295 đồng;

+ Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phan Thị Th phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa bị cáo Phan Thị Th thừa nhận trong thời gian từ ngày 03/01/2024 đến ngày 05/8/2024, thông qua giao dịch cho vay tài sản, Phan Thị Th đã thỏa thuận cho 02 người vay tổng số tiền 1.160.000.000 đồng (một tỷ, một trăm sáu mươi triệu đồng), trong đó thỏa thuận cho bà Đỗ Thị N vay số tiền 800.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Như Q vay số tiền 360.000.000 đồng với mức lãi suất 121,7%/01 năm, vượt quá 6,085 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, nhằm mục đích thu lợi bất chính tổng số tiền là 173.975.369 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi bị truy tố như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoa Lư. Bị cáo

không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Phan Thị Th tại phiên tòa và trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo như sau: trong khoảng thời gian từ ngày 03/01/2024 đến ngày 05/8/2024, tại địa bàn thành phố H, tỉnh Ninh Bình. Phan Thị Th đã cho bà Đỗ Thị N và chị Nguyễn Thị Như Q vay tổng số tiền là 1.160.000.000 đồngvới mức lãi suất 121,7%/01 năm, vượt quá 6,085 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự để thu lợi bất chính số tiền 173.975.369 đồng thì bị phát hiện.

Theo quy định tại Điều 201 của Bộ luật Hình sự tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" như sau:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 thángđến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[2] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế về hoạt động cho vay trong giao dịch dân sự được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo Phan Thị Th là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoa Lư truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về nhân thân: bị cáo Phan Thị Th có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[5] Xét tính chất hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Phan Thị Th. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 35 của

Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ để giáo dục cải tạo bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: căn cứ khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm". Do áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử Quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Phan Thị Thủy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Đối với 01 quyển sổ bìa màu xanh có dòng chữ "SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NINH BÌNH TRƯỜNG THPT NINH BÌNH – BẠC LIÊU"; 01 quyển sổ bìa màu xanh lá, có dán nhãn vở ghi họ và tên "Phan Thị Hương Trà" của Phan Thị Th và 01 quyển sổ kẻ ô ly bìa màu vàng của bà Đỗ Thị N là tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của Phan Thị Th vì vậy được lưu tại hồ sơ làm căn cứ giải quyết vụ án.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, đã thu giữ của Phan Thị Th. Đây là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với 01 thẻ sim số thuê bao 0972.889.564 của Phan Thị Th không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[8] Đối với số tiền sử dụng vào việc phạm tội

Đối với tổng số tiền 1.160.000.000 đồng là tiền mà Phan Thị Th dùng cho vay lãi nặng là công cụ, phương tiện phạm tội nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

- Đối với khoản tiền gốc 170.750.015 đồng bà Đỗ Thị N chưa trả cho bị cáo cần buộc bà N nộp lại để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với khoản tiền gốc 117.999.993 đồng chị Nguyễn Thị Như Q chưa trả cho bị cáo cần buộc chị Q nộp lại để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với khoản tiền gốc là 871.229.992 đồng cho vay, Phan Thị Th đã thu hồi gốc cần buộc bị cáo phải nộp lại để tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015

Số tiền 28.701.349 đồng tương ứng tiền lãi mức 20%/năm do Phan Thị Th đã thu được từ việc cho bà Đỗ Thị N và chị Nguyễn Thị Như Q vay tiền, đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

[10] Đối với các khoản tiền bị cáo thu lời bất chính.

Phan Thị Th cho vay với lãi suất vượt quá mức quy định của pháp luật để thu lời bất chính, là khoản tiền bị cáo chiếm đoạt bất hợp pháp nên cần buộc bị

cáo có nghĩa vụ trả lại số tiền thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cụ thể bà Đỗ Thị N số tiền 105.162.364 đồng, chị Nguyễn Thị Như Q số tiền 40.386.295 đồng là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Đối với bà Đinh Thị T là người được Thủy nhờ đứng tên hộ người cho vay, tuy nhiên bà T không biết Th cho vay lãi suất cụ thể như thế nào, cũng không được hưởng lợi gì từ việc Th cho vay tiền. Vì vậy, bà T không đồng phạm với Thủy về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Ninh Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoa Lư, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[12] Về án phí: bị cáo Phan Thị Th bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, Điều 463 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự:

- Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố:

Bị cáo Phan Thị Th phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phan Thị Th 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng) để sung nộp ngân sách Nhà nước;

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, số IMEI 35861241496726 (đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng).

+ Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim có số thuê bao 0972.889.564.

(Điện thoại và thẻ sim được bỏ trong một phong bì ký hiệu A1 được niêm phong theo đúng quy định của pháp luật)

Những vật chứng trên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hoa Lư theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19 tháng 6 năm 2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hoa Lư.

+ Buộc bị cáo Phan Thị Th phải nộp lại số tiền 899.951.356 đồng (tám trăm chín mươi chín triệu, chín trăm năm nươi mốt nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng) bao gồm: tiền dùng cho người khác vay lãi nặng là 871.249.992 đồng (tám trăm bảy mươi mốt triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi hai đồng), tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự đã thu được của những người vay là 28.701.349 đồng (hai mươi tám triệu, bảy trăm linh một nghìn, ba trăm bốn mươi chín đồng) để sung nộp ngân sách nhà nước.

+ Buộc bà Đỗ Thị N phải nộp lại số tiền 170.750.015 đồng (một trăm bảy mươi triệu, bảy trăm năm mươi nghìn, không trăm mười lăm đồng) (có được do vay của Phan Thị Th) để sung nộp ngân sách nhà nước.

+ Buộc chị Nguyễn Thị Như Q phải nộp lại số tiền 117.999.993 đồng (một trăm mười bảy triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi ba đồng) (có được do vay của Phan Thị Th) để sung nộp ngân sách nhà nước.

4. Về nghĩa vụ dân sự:

+ Buộc bị cáo Phan Thị Th phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền cụ thể như sau:

- Bà Đỗ Thị N số tiền 105.162.364 đồng (một trăm linh năm triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi tư đồng).

- Chị Nguyễn Thị Như Q số tiền 40.386.295 đồng (bốn mươi triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng);

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

- Buộc bị cáo Phan Thị Th phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử sơ thẩm bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- Sở tư pháp
- VKSND TP. Hoa Lư;
- Cơ quan CSĐT và Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS TP. Hoa Lư;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Ngọc Tú